TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUYÊN HOÁ
TỈNH QUẢNG BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 34/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 19 /11/2019
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUYÊN HOÁ, TỈNH QUẢNG BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Đoàn Thị Bích Thuỷ
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Thái Thiên Lương
2. Ông Hoàng Quý Hai

***Thư ký phiên toà*:** Bà Hoàng Thị Nga - Thư ký Toà án nhân dân huyện Tuyên Hoá, tỉnh Quảng Bình.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuyên Hoá, tỉnh Quảng Bình tham gia phiên toà*:** Bà Nguyễn Thị Hoa Huệ - Kiểm sát viên..

Ngày 19 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tuyên Hoá, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 68/2019/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2019 về việc ly hôn.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2019/QĐST - DS ngày 17 tháng 10 năm 2019, Quyết định hoãn phiên toà số: 19/2019/QĐHPT-DSST ngày 31 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Ngô Thị D – sinh năm 1991
Trú tại : Thôn 3 T, xã T, huyện Tuyên Hoá, Quảng Bình (có mặt).

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn H - Sinh năm: 1991
Nơi ĐKHKTT: Thôn 3 T, xã T, huyện Tuyên Hoá, tỉnh Quảng Bình (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 04/7 2019, bản tự khai ngày 16/8/2019 và tại phiên toà chị Ngô Thị D nguyên đơn trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn H kết hôn với nhau hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc, có đăng ký kết hôn vào ngày 10/12/2010 tại Uỷ ban nhân dân xã T, huyện Tuyên Hoá, tỉnh Quảng Bình và chung sống với gia đình nội được 01 năm, sau đó ra ở riêng tại thôn 3 T xã T, huyện Tuyên Hoá, Quảng Bình. Vợ chồng sống chung hạnh phúc được khoảng 7 năm, đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh H thường theo bạn

bè chơi bời nhậu nhẹt, nghiện ngập và đánh đập chị, bản thân chị đã khuyên ngăn anh H nhiều lần, nhưng anh H không thay đổi nên từ năm 2017 đến nay vợ chồng sống ly thân, anh H vào làm ăn tại Sài Gòn nhưng hộ khẩu thường trú của anh H vẫn ở tại thôn 3 xã T, hàng năm anh H vẫn trở về địa phương và gia đình. Việc đi làm ăn chỉ là tạm thời. Bản thân chị cũng vào Sài Gòn làm ăn nhưng không ở cùng chỗ với anh H. Do các con còn nhỏ nên chị thường hay trở về địa phương và gia đình, từ khi vợ chồng ly thân cho đến nay, hai bên không còn qua lại với nhau, bỏ mặc và không quan tâm đến nhau nữa. Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng kéo dài, không giải quyết được, thời gian ly thân đã lâu, tình cảm vợ chồng không còn. Hiện tại anh H đang đi làm ăn tại Sài Gòn nhưng anh H không cho chị biết địa chỉ nơi tạm trú, vợ chồng chỉ nói chuyện với nhau qua điện thoại, chị đã trao đổi việc ly hôn của vợ chồng với anh H nhưng anh H không có thiện chí để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Vì vậy chị có nguyện vọng xin được ly hôn anh H.

Về con chung của vợ chồng: Theo lời trình bày của chị D: Vợ chồng có 3 con chung; con đầu là Nguyễn Thị Yến N sinh ngày 21/10/2009, con thứ 2 là Nguyễn Ngô Gia H sinh ngày 25/5/2011 và con thú 3 là Nguyễn Ngô Gia B sinh ngày 25/02/2015. Chị D có nguyện vọng dược nuôi dưỡng 2 con là Nguyễn Thị Yến N (con đầu) và Nguyễn Ngô Gia B (con út). Còn con thứ 2 là Nguyễn Ngô Gia H giao lại cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng, chị không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con hàng tháng. Hiện tại chị làm công nhân với mức thu nhập hàng tháng ổn định từ 6 đến 7 triệu đồng tiền lương nên có thể đảm bảo được việc nuôi con.

Về tài sản và công nợ chung của vợ chồng: Theo lời trình bày của chị D: Hai bên sẽ tự thoả thuận giải quyết sau, không có yêu cầu Toà án xem xét.

Toà án nhân dân huyện Tuyên Hoá sau khi thụ lý vụ án đã triệu tập các đương sự đến tại trụ sở Toà án để lấy lời khai, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải theo qui định của Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng chỉ có mặt nguyên đơn chị Ngô Thị D còn bị đơn anh Nguyễn Văn H vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng. Vì vậy, Toà án không thể tiến hành hoà giải cho các đương sự theo thủ tục được.

Ngày 26 tháng 9 năm 2019 Toà án nhân dân huyện Tuyên Hoá đã trực tiếp đến tại địa phương Uỷ ban nhân dân xã T, nơi cư trú của anh H, gặp bà Trần Thị P (là mẹ đẻ anh Nguyễn Văn H) để xác minh về cuộc hôn nhân của vợ chồng anh H, chị D thì được bà P cho biết: Anh Nguyễn Văn H kết hôn với chị Ngô Thị D trên cơ sở hai bên hoàn toàn tự nguyện, sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại nhà nội khoảng một năm rưỡi sau đó về bên ngoại ở cùng thôn làm nhà riêng trên đất của gia đình ngoại và sinh sống với nhau. Quá trình chung sống do anh H thỉnh thoảng có uống rượu nhưng vợ chồng không thông cảm cho nhau, nên dẫn đến mâu thuẫn thường xuyên cãi vã, xung đột lẫn nhau. Tuy nhiên hai bên tự dàn xếp được và tiếp tục chung sống cho đến năm 2018, anh H vào miền Nam làm ăn đưa chị D và đứa con trai út đi theo, nhưng vợ chồng chỉ đi làm ăn tạm thời còn hộ khẩu thường trú vẫn ở tại địa phương. Đầu năm 2019 anh H có về tại địa phương và gia đình còn chị D không về, chị D cũng không liên lạc với gia đình nội từ năm 2018 cho đến nay. Vợ

chồng mâu thuẫn kéo dài và sống ly thân đã lâu, tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Toà án giải quyết cho chị D được ly hôn vắng mặt anh H vì hiện tại anh H đi làm ăn xa không thể về được.

Bà Trần Thị P cho biết gia đình cũng không có địa chỉ nơi tạm trú của anh H, gia đình chỉ liên lạc với anh H qua điện thoại. Nên không thể cung cấp thông tin địa chỉ và chỗ ở của anh H cho toà án biết. Vừa qua gia đình có nhận được giấy triệu tập anh H 2 lần và đã thông báo cho anh H biết, nhưng do điều kiện anh H ở xa, bận việc nên không thể về được để giải quyết việc ly hôn với chị D được.

Về con chung của vợ chồng: bà Trần Thị P thừa nhận: Anh H và chị D có 03 đứa con chung, con đầu là Nguyễn Thị Yến N, sinh năm 2009. Con thứ hai là Nguyễn Ngô Gia H sinh năm 2011 và con thứ ba là Nguyễn Ngô Gia B sinh năm 2015, gia đình có ý kiến để chị D nuôi cháu đầu và cháu út, còn cháu thứ hai giao cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng.

Về tài sản chung của vợ chồng: Theo bà Trần Thị P vợ chồng có một căn nhà nhỏ xây trên đất vườn của bà ngoại tại thôn 4 T, xã T, gia đình không có ý kiến gì mà để chị D được sở hữu và sử dụng.

Về công nợ chung của vợ chồng: Theo bà P trình bày: vợ chồng không có nợ chung nên không yêu cầu Toà án xem xét.

Toà án đã trực tiếp lấy lời khai của cháu Nguyễn Thị Yến N sinh ngày 21/10/2009 học lớp 5 trường Tiểu học T và cháu Nguyễn Ngô Gia H sinh ngày 25/5/2011 học lớp 3A trường Tiểu học T, các cháu cũng thừa nhận bố mẹ chung sống với nhau thường hay bất hoà, mâu thuẫn, giữa bố mẹ hay đánh đập nhau. Nếu bố mẹ ly hôn thì cháu Nguyễn Thị Yến N có nguyện vọng được ở với mẹ và em trai út, còn cháu Nguyễn Ngô Gia H có nguyện vọng được ở với bố.

Toà án nhân dân huyện Tuyên Hoá đã ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử và đã niêm yết giấy triệu tập xét xử của anh H tại trụ sở UBND xã T. Tại phiên toà chị Ngô Thị D vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn H vì vợ chồng không thể trở lại đoàn tụ. Phía anh Nguyễn Văn H vắng mặt không có lý do, mặc dù đã được Toà án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định: Chị Ngô Thị D và anh Nguyễn Văn H kết hôn với nhau hoàn toàn tự nguyện có đăng ký kết hôn ngày 10/12/2010 tại Uỷ ban nhân dân xã T, huyện Tuyên Hoá, tỉnh Quảng Bình. Những năm đầu cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, thiếu sự thông cảm và tôn trọng lẫn nhau, giữa vợ chồng thường xuyên cãi vã, bất hoà, mặt khác, anh H chưa làm tròn trách nhiệm của mình, không có thiện chí trong việc hàn gắn tình cảm vợ chồng mà để mặc tình trạng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng và kéo dài không khắc phục được. Trong suốt quá trình Toà án giải quyết vụ án anh H đều vắng

mặt mặc dù đã được Toà án triệu tập hợp lệ nên Toà án không thể tiến hành hoà giải để vợ chồng trở lại đoàn tụ. Vì vậy thuộc trường hợp không tiến hành hoà giải được theo qui định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật tố tụng Dân sự. Quá trình giải quyết và tại phiên toà, chị Ngô Thị D có nguyện vọng tha thiết xin được ly hôn với anh Nguyễn Văn H vì cuộc sống chung không phù hợp, vợ chồng ly thân đã lâu, tình cảm vợ chồng thực sự không còn nên không thể trở lại tiếp tục chung sống. Qua xác minh phía gia đình bà Trần Thị Phương thừa nhận vợ chồng chị D anh H mâu thuẫn trầm trọng kéo dài, vợ chồng đã sống ly thân với nhau, tình cảm vợ chồng thực sự không còn, hiện tại anh Nguyễn Văn H đang đi làm ăn tạm thời ở miền Nam nên trong quá trình mâu thuẫn gia đình không thể dàn xếp cho vợ chồng được. Nay chị D có yêu cầu ly hôn với anh H, gia đình không có ý kiến gì đề nghị Toà án giải quyết, xét xử cho chị D được ly hôn vắng mặt anh H theo nguyện vọng của chị D.

Hội đồng xét xử xét thấy: Mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân là xây dựng gia đình bền vững hạnh phúc không đạt được, tình cảm vợ chồng hiện tại thực sự không còn. Vợ chồng ly thân đã lâu. Nếu duy trì cuộc hôn nhân này sẽ không có lợi cho cả hai phía, xét nguyện vọng xin ly hôn của chị Ngô Thị D là chính đáng. Vì vậy Hội đồng xét xử cần chấp nhận và áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 1 Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự xử cho chị Ngô Thị D được ly hôn vắng mặt anh Nguyễn Văn H.

[2] Về con chung của vợ chồng: Theo chị D trình bày và qua xác minh tại nhà bà Trần Thị P (mẹ anh H) thừa nhận: Vợ chồng có 03 con chung: Con đầu là Nguyễn Thị Yến N, sinh năm 2009, con thứ hai là Nguyễn Ngô Gia H sinh năm 2011 và con thứ ba là Nguyễn Ngô Gia B sinh năm 2015. Hiện tại cháu Nguyễn Thị Yến N và cháu Nguyễn Ngô Gia B đang ở với chị D tại gia đình ngoại,còn cháu Nguyễn Ngô Gia H đang ở tại gia đình nội với anh H. Quá trình giải quyết chị D có nguyện vọng xin được tiếp tục nuôi 02 con là Nguyễn Thị Yến N và cháu Nguyễn Ngô Gia B, giao cháu Nguyễn Ngô Gia H cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng. Chị D không có yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con hàng tháng, hiện tại chị đang làm công nhân mỗi tháng thu nhập ổn định khoảng 07 triệu đồng, nên đảm bảo việc nuôi con ăn học. Hội đồng xét xử xét thấy nguyện vọng của chị D là chính đáng, mặt khác phù hợp với nguyện vọng của cháu Nguyễn Thị Yến N và cháu Nguyễn Ngô Gia H. Phía gia đình anh H, bà Trần Thị P cũng có ý kiến đề nghị Toà án giao cháu Nguyễn Ngô Gia H cho anh H tiếp tục nuôi dưỡng. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con cần chấp nhận nguyện vọng của chị D và các cháu, cần giao cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc 02 con là Nguyễn Thị Yến N và Nguyễn Ngô Gia B. Giao cho anh Nguyễn Văn H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Nguyễn Ngô Gia H. Không bên nào pH cấp dưỡng nuôi con cho bên nào là phù hợp.

[3] Về tài sản và công nợ chung của vợ chồng: Chị Ngô Thị D không có yêu cầu Toà án giải quyết. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Ngô Thị D đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000đ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuyên Hoá theo biên lai số 0003801 ngày 17 tháng 7 năm 2019, nay phải chịu toàn bộ án phí.

[5] Về án phí cấp dưỡng nuôi con: Chị Ngô Thị D và anh Nguyễn Văn H không phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con.

Tại phiên toà, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuyên Hoá phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán đã tuân thủ các qui định của pháp luật. Tại phiên toà Hội đồng xét xử gồm một Thẩm phán và hai Hội thẩm nhân dân đã tiến hành hỏi đúng thứ tự và nguyên tắc theo qui định của Bộ luật tố tụng Dân sự. Thư ký phiên toà đã thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ của mình. Về phía các đương sự, nguyên đơn chị Ngô Thị D có mặt, chấp hành pháp luật, hợp tác với Toà án. Bị đơn anh Nguyễn Văn H trong suốt quá trình giải quyết vụ án vắng mặt, tại phiên toà vẫn vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Toà án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai. Bị đơn không chấp hành pháp luật, thiếu sự hợp tác với Toà án. Kiểm sát viên đề nghị:

Về quan hệ hôn nhân : Áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 1 Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự xử cho chị Ngô Thị D được ly hôn vắng mặt anh Nguyễn Văn H.

Về con chung của vợ chồng: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình : Giao 02 cháu là Nguyễn Thị Yến N - sinh ngày 21/10/2009 và Nguyễn Ngô Gia B - sinh ngày 25/02/2015 cho chị Ngô Thị D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi các cháu trưởng thành. Giao cháu Nguyễn Ngô Gia H – sinh ngày 25/5/2011 cho anh Nguyễn Văn H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

Về tài sản và công nợ chung của vợ chồng; Chị Ngô Thị D không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị Ngô Thị D phải chịu 300.000đ theo qui định của pháp luật

Về án phí cấp dưỡng nuôi con: Các bên không phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con.

Từ những căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về quan hệ hôn nhân: Áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, khoản 1 Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự xử: Chị Ngô Thị D được ly hôn vắng mặt anh Nguyễn Văn H.

2. Về con chung: Áp dụng Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình xử: Giao cho chị Ngô Thị D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc 02 con là cháu Nguyễn Thị Yến N - sinh ngày 21/10/2009 và cháu Nguyễn Ngô Gia B - sinh

ngày 25/02/2015 cho đến tuổi trưởng thành 18 tuổi. Giao cho anh Nguyễn Văn H trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc cháu Nguyễn Ngô Gia H – Sinh ngày 25/5/2011 cho đến tuổi trưởng thành 18 tuổi.

Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào. Không ai được ngăn cản việc đi lại, trông nom, chăm sóc con chung, khi cần thiết vì lợi ích của con, một trong hai bên có quyền làm đơn yêu cầu Toà án thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản và công nợ chung của vợ chồng: Chị Ngô Thị D không yêu cầu Toà án giải quyết. Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Ngô Thị D đã nộp tạm ứng án phí 300.000đ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuyên Hoá theo biên lai số 0003801 ngày 17 tháng 7 năm 2019, nay phải chịu toàn bộ và được khấu trừ số tiền trên. Vậy chị D đã nộp đủ án phí.

5. Án phí cấp dưỡng nuôi con: Chị Ngô Thị D và anh Nguyễn Văn H không phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Tuyên bố chị Ngô Thị D có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày xét xử. Anh Nguyễn Văn H có quyền kháng cáo kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày niêm yết bản án tại trụ sở Uỷ ban nhân dân xã T, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của anh Nguyễn Văn H.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND huyện Tuyên Hoá;
- Chi cục THADS huyện Tuyên Hoá;
- Đương sự;
- UBND xã T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Đoàn Thị Bích Thuỷ